

Số: 2233/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản được sửa đổi bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 446/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

1. Cấp tỉnh:

- Ban hành mới: 11 thủ tục hành chính.
- Sửa đổi, bổ sung: 01 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

2. Cấp xã: Sửa đổi, bổ sung 03 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (chuyển 03 thủ tục hành chính cấp huyện về cấp xã giải quyết).

(Danh mục thủ tục hành chính đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Bãi bỏ các nội dung thủ tục hành chính tại số thứ tự 15 Mục I; số thứ tự 1, 2, 3 Mục II của Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này làm cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện cấu hình, cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật, cấu hình nội dung các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung được công bố theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Thực hiện tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính

công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT- TH Đồng Nai;
- Tổng đài DVC 1022 (phối hợp công khai);
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Công TTĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Sơn Hùng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN
THUỘC THĂM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
A. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH									
I. CẤP TỈNH									
1	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công tích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
2	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Toàn tỉnh	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	1.004794	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	04 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh - Trục tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;	Toàn tỉnh	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
4	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường thủy sản	12 ngày làm việc để tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm; 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh công dịch vụ công quốc gia	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhân viên và thủy sản	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	1.004678	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu	45 ngày đối với trường hợp cấp mới, 15 ngày đối với trường hợp cấp lại/gia hạn.	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
		Vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)			quyết thủ tục hành chính. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.		- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ		
6	1.004669	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	58 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới (chưa bao gồm thời gian kiểm tra thực tế - nếu có); 18 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại/gia hạn.	Nộp hồ sơ trực tiếp	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ, và thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trực tiếp	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
7	1.004654	Công bố mở cảng cá loại I	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	<p>Nộp hồ sơ tại:</p> <p>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh</p> <p>- Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>	<p>Chưa có văn bản quy định</p>	<p>- Luật Thủy sản năm 2017;</p> <p>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025</p>	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8	2.001694	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>Nộp hồ sơ tại:</p> <p>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh</p> <p>- Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao</p>	<p>Chưa có văn bản quy định</p>	<p>- Luật Thủy sản năm 2017;</p> <p>- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ</p> <p>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của</p>	Toàn trình	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
							Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường		
9	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (đề mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
10	1.003741	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban	12.450.000 đồng	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
11	1.003726	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Toàn tỉnh	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
B DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG									
I CẤP TỈNH									
1	1.003650	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	<p>Nộp hồ sơ tại:</p> <p>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh</p> <p>- Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.</p> <p>- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.</p>	Chưa có văn bản quy định	<p>- Luật Thủy sản năm 2017;</p> <p>- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT ngày 02/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
II CẤP XÃ									
1	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	<p>a) Công khai phương án: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định: 33 ngày.</p>	<p>- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của xã</p> <p>-Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ</p>	Chưa có văn bản quy định	<p>- Luật Thủy sản năm 2017;</p> <p>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ</p> <p>- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của</p>	Một phần	Thủ tục hành chính thẩm quyền giải quyết chuyển từ huyện về xã Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
2	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức công đồng (thuộc địa bàn quản lý)	a) Đối với trường hợp đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Công khai phương án: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của xã - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	Thủ tục hành chính thẩm quyền giải quyết chuyển từ Huyện về Xã Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
3	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của xã - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	Một phần	Thủ tục hành chính chuyên thẩm quyền giải quyết chuyển từ Huyện về xã